PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐẶC THÙ CHO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

TS NGUYỄN HƯƠNG LY
Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Commercial Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: nhly@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Việc phát triển trung tâm tài chính quốc tế ngày càng trở thành ưu tiên chiến lược của nhiều quốc gia nhằm nâng cao vị thế kinh tế - tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh Việt Nam định hướng xây dựng TP. Hồ Chí Minh thành một trung tâm tài chính quốc tế của khu vực Đông Nam Á, nhu cầu về phát triển hạ tầng đặc thù đòi hỏi những cơ chế đầu tư công và hợp tác công tư sáng tạo, linh hoạt. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam để xây dựng khung pháp lý hỗ trợ sự hình thành và phát triển của trung tâm tài chính quốc tế, tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa đáp ứng được đặc thù phát triển của trung tâm tài chính quốc tế. Bài viết này phân tích thực trạng pháp lý tại Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế trong triển khai phát triển hạ tầng đặc thù cho trung tâm tài chính quốc tế tại các quốc gia như Singapore, Dubai, từ đó rút ra các điều kiện thể chế thành công. Dựa trên các bài học này, tác giả kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng đồng bộ hóa quy định về trình tự, thủ tục đầu tư công, thiết lập tiêu chí minh bạch trong cơ chế chỉ định nhà đầu tư và nhà thầu, kiểm soát chặt chẽ rủi ro tài khóa và bảo vệ nguyên tắc thị trường.

Từ khóa: *hạ tầng đặc thù, trung tâm tài chính quốc tế, hợp tác công tư, đầu tư công*

Abstract

The development of international financial centres (IFC) has increasingly become a strategic priority for many countries in their efforts to enhance their global economic and financial standing. In the context of Vietnam's ambition to position Ho Chi Minh City as a regional IFC in Southeast Asia, the demand for developing specialized infrastructure necessitates innovative and flexible public investment and public-private partnershipmechanisms. To support this vision, the National Assembly promulgated Resolution No. 222/2025/QH15 on the establishment of an International Financial Centre in Vietnam, aiming to provide a legal framework conducive to the formation and development of such a centre. However, the current legal system remains inadequate in addressing the specific institutional and infrastructural requirements of an IFC. This article examines the existing legal landscape in Vietnam, drawing upon international experience from jurisdictions such as Singapore and Dubai in developing tailored infrastructure for IFCs. From these comparative insights, the article identifies key institutional conditions for success. Based on these findings, the author proposes legal reforms to synchronize the procedures for public investment, establish transparency criteria in the selection of investors and contractors, enhance fiscal risk management, and safeguard market principles.

Keywords: *specialized infrastructure, International Financial Center (IFC), public-private partnership (PPP), public investment*

DOI: https://doi.org/10.70236/khplvn.821

Ngày nhận bài: 15/01/2026 **Ngày duyệt đăng: 02/7/2026**

1. Cách tiếp cận về trung tâm tài chính quốc tế và hạ tầng đặc thù cho Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Hiện nay, khái niệm "trung tâm tài chính quốc tế" (*international financial centre*, IFC) vẫn chưa được định nghĩa thống nhất trong hệ thống pháp luật quốc tế hay trong bất kỳ điều ước đa phương nào. Tuy nhiên, trong thực tiễn và học thuật, có thể nhận diện hai cách tiếp cận phổ biến: (i) coi IFC là một thực thể pháp lý - thể chế tài chính toàn cầu; và (ii) xem IFC là một thực thể vật lý - khu vực tài chính được quy hoạch cụ thể. Hai cách hiểu này không

loại trừ lẫn nhau, nhưng phản ánh sự khác biệt đáng kể về định hướng phát triển và xây dựng thể chế giữa các quốc gia phát triển và các nền kinh tế đang phát triển.

Theo quan điểm thứ nhất, trung tâm tài chính quốc tế được nhận diện thông qua sự tập trung của số lượng lớn các định chế tài chính trong nước và nước ngoài, cung cấp đa dạng dịch vụ tài chính trên nền tảng hạ tầng phát triển và khuôn khổ pháp lý, điều tiết vững chắc.[1] Cách hiểu này đề cao vai trò của môi trường pháp lý, năng lực điều tiết và tính minh bạch thể chế hơn là các yếu tố vật lý hay vị trí địa lý. IFC được IMF mô tả là các trung tâm dịch vụ tài chính quốc tế hoàn chỉnh với hệ thống thanh toán và bù trừ tiên tiến, hỗ trợ nền kinh tế nội địa lớn; thị trường tài chính có tính thanh khoản sâu, trong đó cả nguồn vốn và người sử dụng vốn đa dạng; đồng thời khung pháp lý và giám sát đủ mạnh để bảo đảm tính toàn vẹn trong quan hệ chủ thể - đại diện và chức năng giám sát,[2] Một minh chứng nổi bật là *Regulatory Sandbox* của Cơ quan quản lý tài chính Anh (*Financial Conduct Authority*, FCA) được vận hành từ năm 2016, giúp các công ty Fintech thử nghiệm sản phẩm tài chính mới trong môi trường được giám sát chặt chẽ nhưng linh hoạt.[3]

Bên cạnh cách tiếp cận thể chế, nhiều quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển, lại xem IFC là một khu vực tài chính có tính vật lý rõ ràng, được quy hoạch như một khu đô thị chuyên biệt nhằm tập trung các tổ chức tài chính, công nghệ, dữ liệu và nhân lực chất lượng cao.[4] Đây là mô hình "*place-based IFC*", trong đó trung tâm tài chính quốc tế được hình dung là một địa điểm chiến lược, được thiết kế nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh tài chính của quốc gia trong khu vực và trên toàn cầu. Trung tâm tài chính quốc tế là một địa điểm - thường là một thành phố - nơi các tổ chức từ nhiều quốc gia tiến hành giao dịch tài chính, sử dụng các công cụ và phương tiện tài chính có phạm vi toàn cầu.[5] Mô hình này yêu cầu sự đầu tư lớn vào quy hoạch đô thị, hệ thống giao thông, tiện ích công cộng, và đặc biệt là cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ giao dịch tài chính. Ví dụ, Canary Wharf (London), Lujiazui (Thượng Hải) hay Wall Street (New York) là những khu đô thị tài chính được phát triển với tầm nhìn quy hoạch dài hạn, có mật độ cao các định chế tài chính lớn và mạng lưới dịch vụ hỗ trợ liên thông. Một số quốc gia khác xây dựng IFC theo mô hình "khu vực pháp lý đặc biệt", tách biệt khỏi phần còn lại của hệ thống pháp luật quốc gia. Đơn cử như *Dubai International Financial*

1 Vanessa Le Leslé, Franziska L Ohnsorge, Minsuk Kim and Srikant Seshadri, "Why Complementarity Matters for Stability—Hong Kong SAR and Singapore as Asian Financial Centers", *IMF Working Paper No 14/119*, Issue 119, 2014. DOI: https://doi.org/10.5089/9781498334464.001

2 David Grenier, "IFC: An expanded role for venture capital", *Finance & Development*, Vol. 4(2), 1967, tr. 109. DOI: https://doi.org/10.5089/9781616352868.022

3 Financial Conduct Authority (FCA), "Regulatory sandbox lessons learned report", *Financial Conduct Authority*, 2017, https://www.fca.org.uk/publication/research-and-data/regulatory-sandbox-lessons-learned-report.pdf, truy cập ngày 23/07/2025.

4 Youssef Cassi, "Introduction: A global overview from a historical perspective", in Youssef Cassis, and Dariusz Wójcik (Eds.), *International financial centres after the global financial crisis and Brexit*, Oxford University Press, 2018, pp. 1-15. DOI: https://doi.org/10.1093/oso/9780198817314.003.0001

5 Alex Bara và Pierre Le Roux, "International financial centres, global finance and financial development in the Southern Africa Development Community (SADC), *Journal of Economics and International Finance*", Vol. 9(7), tr. 68-79. DOI: https://doi.org/10.5897/JEIF2017.0849

Centre (DIFC) - một khu tài chính được điều hành theo hệ thống thông luật, có tòa án riêng và hệ thống luật độc lập với luật liên bang của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất.[6]

Tại Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh đang theo đuổi mô hình trung tâm tài chính quốc tế theo hướng này, thể hiện qua các đề án quy hoạch không gian tài chính, khu đô thị thông minh. Nghị quyết số 222/2025/QH15 nêu rõ "Trung tâm tài chính quốc tế là khu vực có ranh giới địa lý xác định do Chính phủ thành lập đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này".[7] Cơ bản Nghị quyết khẳng định định hướng xây dựng một "khu tài chính tích hợp" gồm ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, Fintech và dịch vụ hỗ trợ, kết nối với trung tâm logistics, dữ liệu và giáo dục tài chính để hình thành hệ sinh thái tài chính hoàn chỉnh. Đây được xem là hướng đi phù hợp với điều kiện kinh tế - thể chế của Việt Nam, đặc biệt tại TP. Hồ Chí Minh. TP. Hồ Chí Minh hội đủ điều kiện trở thành "địa điểm chiến lược" để hình thành một trung tâm tài chính mang tính khu vực, hướng tới thu hút dòng vốn từ Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.[8]

Theo đó, "hạ tầng đặc thù" đang trở thành một trong những tiêu chí cốt lõi quyết định vị thế, năng lực vận hành và sức hút đầu tư của IFC tại Việt Nam. Không chỉ đơn thuần là cơ sở hạ tầng vật chất, hạ tầng đặc thù trong IFC được hiểu là tập hợp các điều kiện kỹ thuật, tổ chức và thể chế chuyên biệt, được thiết kế và vận hành nhằm bảo đảm cho các hoạt động tài chính - ngân hàng - đầu tư xuyên biên giới được thực hiện một cách thông suốt, minh bạch, an toàn và có tính quốc tế hóa cao. Đây là loại hạ tầng mang tính tích hợp đa chiều, bao gồm cả phần cứng (cơ sở vật chất, công nghệ) và phần mềm (pháp lý, thể chế, dữ liệu), đóng vai trò kiến tạo môi trường vận hành ổn định và thúc đẩy năng lực cạnh tranh toàn cầu của IFC.

Thứ nhất, cấu phần trung tâm của hạ tầng đặc thù là hệ sinh thái tài chính chuyên sâu, bao gồm mạng lưới các định chế tài chính trong và ngoài nước như ngân hàng đầu tư quốc tế, sàn giao dịch chứng khoán và phái sinh, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, và đặc biệt là các công ty Fintech. Các thực thể này không chỉ cung cấp dịch vụ tài chính mà còn đóng vai trò tạo lập thị trường, cung cấp thanh khoản và định hình cấu trúc sản phẩm tài chính trong IFC. Theo tiêu chuẩn của IMF, một IFC chỉ được công nhận khi có mức độ tập trung cao của các hoạt động tài chính xuyên biên giới, điều mà chỉ có thể đạt được nếu có hệ thống định chế tài

6 Dubai Financial Services Authority (DFSA), "DFSA's inaugural tokenisation regulatory sandbox attracts expression of interest from close to 100 firms", *Dubai Financial Services Authority*, 2025, https://www.dfsa.ae/news/dfsas-inaugural-tokenisation-regulatory-sandbox-attracts-expression-interest-close-100-firms-marking-major-milestone-difcs-finte, truy cập ngày 23/07/2025.

7 Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27/06/2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

8 Bình Yên, "TP. Hồ Chí Minh: Trung tâm tài chính quốc tế đang thành hình", *Tạp chí Đầu tư Tài chính - VietnamFinance*, 2025, https://vietnamfinance.vn/tphcm-trung-tam-tai-chinh-quoc-te-dang-thanh-hinh-d123628.html, truy cập ngày 22/7/2025.

chính dày đặc, vận hành trong môi trường hạ tầng hiện đại và được điều tiết chuyên biệt.[9]

Thứ hai, hạ tầng công nghệ số và dữ liệu tài chính là xương sống kỹ thuật cho các giao dịch tài chính hiện đại. Điều này bao gồm các trung tâm dữ liệu tài chính, nền tảng xử lý giao dịch điện tử, các công cụ định danh số, nền tảng chia sẻ dữ liệu và hạ tầng bảo mật mạng chuyên dụng.[10] Sự phát triển mạnh mẽ của Fintech và tài chính số đặt ra yêu cầu rất cao về tính sẵn sàng công nghệ, tính liên kết hệ thống và năng lực bảo vệ dữ liệu - những yếu tố mà chỉ hạ tầng đặc thù mới có thể đáp ứng ở cấp độ quốc tế.

Thứ ba, hạ tầng pháp lý - thể chế giữ vai trò thiết yếu trong việc xây dựng môi trường tài chính minh bạch, ổn định và có khả năng xử lý rủi ro hiệu quả. IFC thành công thường đi kèm với sự hiện diện của luật tài chính hiện đại, hệ thống tòa án tài chính độc lập, các cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả và nhất là các công cụ thể chế mềm như khung thử nghiệm chính sách (*regulatory sandbox*), khung pháp lý cho tài sản số, tài chính xanh (*green finance*) hoặc công bố thông tin về môi trường xã hội và quản (*ESG disclosure*).

Thứ tư, hạ tầng vật lý và không gian tài chính chuyên biệt, tuy là phần hữu hình, lại có vai trò quan trọng trong giai đoạn định hình ban đầu của IFC, nhất là tại các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam. Việc quy hoạch và phát triển một khu tài chính riêng giúp tập trung nguồn lực, gia tăng hiệu suất vận hành và tạo hình ảnh nhận diện rõ ràng trên bản đồ tài chính quốc tế. Các khu tài chính này thường tích hợp trụ sở ngân hàng quốc tế, trung tâm hội nghị, trung tâm dữ liệu, không gian Fintech và cơ sở đào tạo nhân lực chất lượng cao.

2. Thực trạng pháp luật tại Việt Nam trong phát triển hạ tầng đặc thù cho trung tâm tài chính quốc tế

Trước hết, có thể ghi nhận những bước tiến tích cực trong việc xây dựng khung pháp lý về phương thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (*public - private partnership*, PPP) tại Việt Nam trong những năm gần đây. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 đã lần đầu tiên thống nhất các quy định về PPP, tạo nền tảng pháp lý quan trọng để thu hút tư nhân tham gia đầu tư vào hạ tầng. Luật quy định năm lĩnh vực được áp dụng PPP, bao gồm: (i) giao thông vận tải; (ii) lưới điện, nhà máy điện; (iii) hạ tầng thủy lợi, cấp - thoát nước, xử lý chất thải; (iv) y tế, giáo dục - đào tạo; và (v) hạ tầng công nghệ thông tin.[11] Trong số này, "hạ tầng công nghệ thông tin" là lĩnh vực gần nhất với nhu cầu xây dựng hạ tầng số - dữ liệu cho IFC. Tuy nhiên, Luật PPP năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung) lại không có điều khoản riêng nào đề cập đến các loại hạ tầng tài chính, hạ tầng pháp lý - dữ liệu - *sandbox*, vốn là trụ cột của một IFC hiện đại. Điều này khiến việc áp dụng PPP cho các dự án như trung

9 International Monetary Fund (IMF), "Standards and codes: The role of the IMF", *International Monetary Fund*, 2023, https://www.imf.org/en/About/Factsheets/Sheets/2023/Standards-and-Codes-the-role-of-the-IMF, truy cập ngày 22/07/2025.

10 Derryl D'Silva, Zuzana Filkova, Frank Packer, Siddharth Tiwari, "The design of digital financial infrastructure: Lessons from India", *BIS Papers No. 106. Bank for International Settlements*, 2019.

11 Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020; khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024.

tâm dữ liệu tài chính, hệ thống thanh toán điện tử, hoặc khu Fintech Hub trở nên lúng túng, thiếu căn cứ pháp lý rõ ràng. Mặt khác, danh mục dự án PPP trong các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn tập trung vào hạ tầng truyền thống như giao thông, năng lượng, trong khi lĩnh vực tài chính - số hóa - dữ liệu gần như không được đề cập.

Bên cạnh đó, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư hiện hành vẫn nặng tính "kiểm soát rủi ro tài chính" hơn là "tạo đột phá thể chế". Cơ chế bảo lãnh, chia sẻ rủi ro, cũng như các hình thức PPP linh hoạt (như PPP *sandbox*, PPP mở rộng theo công nghệ) chưa được quy định hoặc thử nghiệm một cách rõ ràng. Việc yêu cầu dự án PPP phải đảm bảo "hiệu quả tài chính trực tiếp" khiến nhiều loại hình hạ tầng công - dữ liệu - pháp lý (vốn sinh lợi gián tiếp và dài hạn) khó tiếp cận.

Song song với Luật PPP năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung), Luật Đầu tư công năm 2024 vẫn là căn cứ chính để phân bổ vốn nhà nước cho các dự án hạ tầng quan trọng. Tuy nhiên, luật này cũng chưa có cơ chế phân biệt hoặc ưu tiên đầu tư công cho IFC hay các loại hình hạ tầng đặc thù tài chính. Các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư công hiện vẫn thiên về các chỉ số kinh tế - kỹ thuật truyền thống, chưa có tiêu chí như: mức độ kết nối hệ thống tài chính quốc tế, hạ tầng số hóa tài chính, mức độ tích hợp thể chế hay khả năng lan tỏa tài chính toàn cầu.[12] Điều này khiến việc lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án hạ tầng đặc thù của IFC tại TP. Hồ Chí Minh còn phụ thuộc nhiều vào nhận thức chủ quan và cơ chế xin - cho giữa các bộ, ngành.

Một bất cập lớn khác là thiếu cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan trung ương và chính quyền địa phương trong việc triển khai các dự án đầu tư cho IFC. Đề án xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh đã được đề cập từ năm 2020 nhưng đến nay vẫn chủ yếu ở dạng định hướng chiến lược, chưa có hành lang pháp lý cụ thể để triển khai các hạ tầng thiết yếu như khu tài chính chuyên biệt tại Thủ Thiêm, trung tâm dữ liệu quốc gia về tài chính, khu Fintech Hub hoặc mô hình *sandbox* tài chính. Việc thiếu một "Ủy ban điều phối IFC" có thực quyền và khung pháp lý đủ rộng đã khiến các sáng kiến về IFC dễ rơi vào khoảng trống giữa quy hoạch đô thị - đầu tư công - chính sách tài chính - điều tiết ngân hàng - pháp luật công nghệ.

Trước thực trạng đó, sự ra đời của Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế là sự khẳng định rõ ràng về mặt chính sách và pháp luật về việc xây dựng cơ chế pháp lý riêng cho IFC tại Việt Nam, trong đó có nội dung về xây dựng cơ sở hạ tầng đặc thù. Tuy nhiên, NQ này mới chỉ là nền tảng pháp lý ban đầu cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng đặc thù của IFC. Những nội dung của NQ, trong mối tương quan với pháp luật hiện hành về xây dựng cơ sở hạ tầng (Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu), tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và nhiều khoảng trống pháp lý căn bản.

Thứ nhất, quy định cho phép bỏ qua bước quyết định chủ trương đầu tư và không cần lập kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với dự án trong IFC, như tại

12 Điều 5 Luật Đầu tư công năm 2024.

khoản 7 và 8 Điều 27, có thể tạo ra nguy cơ xung đột pháp lý với các quy định của Luật Đầu tư công năm 2024. Theo luật này, việc quyết định chủ trương đầu tư là bước thiết yếu để xác định tính cấp thiết, nguồn vốn và thẩm quyền phê duyệt, qua đó bảo đảm tính hợp pháp trong phân bổ ngân sách nhà nước. Việc lược bỏ các thủ tục này, nếu không có hướng dẫn cụ thể và đồng bộ để sửa đổi các luật liên quan, có thể dẫn đến mâu thuẫn về thẩm quyền giữa các cơ quan trung ương và địa phương, làm suy yếu cơ chế giám sát vốn đầu tư công và đặt ra rủi ro pháp lý trong việc thực hiện phân bổ ngân sách và quyết toán.

Thứ hai, quy định cho phép chỉ định nhà đầu tư và nhà thầu tại các khoản 6, 7(c), 8(c) và 9 của Điều 27 là điểm dễ phát sinh rủi ro về minh bạch và cạnh tranh, đặc biệt khi thiếu hệ thống tiêu chí lựa chọn rõ ràng và cơ chế giám sát độc lập. Trong bối cảnh các dự án IFC có quy mô vốn rất lớn và sử dụng nhiều nguồn lực công, việc cho phép chỉ định nhà đầu tư mà không qua đấu thầu dễ dẫn tới nghi ngờ về lợi ích nhóm, tạo ra hệ lụy pháp lý liên quan đến khiếu kiện, tranh chấp hợp đồng hoặc tố cáo vi phạm pháp luật về đấu thầu. Tình trạng này đã từng xảy ra ở nhiều địa phương trong các dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (*build - operate - transfer*, BOT), PPP trước đây, do đó, nếu không quy định rõ ràng các điều kiện đặc thù và thiết lập chuẩn mực minh bạch, nguy cơ rủi ro pháp lý sẽ hiện hữu.

Thứ ba, việc áp dụng cơ chế ưu đãi PPP đặc biệt, như cho phép vốn nhà nước chiếm tới 70% tổng mức đầu tư (so với mức thông thường 50%) và miễn cơ chế chia sẻ phần tăng doanh thu trong 3 năm đầu, nếu không đi kèm với cơ chế giám sát rủi ro tài khóa hiệu quả, có thể làm méo mó nguyên tắc thị trường và gây thất thoát nguồn lực nhà nước. Về mặt pháp lý, mức độ tham gia vốn nhà nước ở tỷ lệ cao làm mờ ranh giới giữa đầu tư tư và đầu tư công, đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ lợi ích và nghĩa vụ của các bên. Nếu ưu đãi quá mức cho tư nhân mà thiếu sự tương xứng trong nghĩa vụ chia sẻ rủi ro, Nhà nước có thể đối diện với các nghĩa vụ tài chính tiềm tàng lớn, làm gia tăng gánh nặng ngân sách trong trung và dài hạn.

Thứ tư, trong khi các ưu đãi tài khóa và đầu tư được quy định tương đối chi tiết, thì lại thiếu các cơ chế kiểm toán và giám sát tài khóa đặc thù, dẫn đến rủi ro mất cân đối giữa quyền lợi và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể. Cơ chế đặc thù với mức độ phân quyền tài khóa lớn cho địa phương đòi hỏi phải có bộ công cụ kiểm tra, đánh giá độc lập như kiểm toán công, giám sát của Hội đồng nhân dân, công khai minh bạch ngân sách và báo cáo tài chính định kỳ. Việc không thiết kế đồng bộ các cơ chế này sẽ tạo ra khoảng trống thể chế, khiến công tác giám sát chi tiêu và hiệu quả đầu tư rơi vào tình trạng hình thức hoặc bị thao túng. Về lâu dài, điều này có thể làm xói mòn lòng tin của người dân và nhà đầu tư vào tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương.

3. Pháp luật tại Singapore và Dubai trong phát triển hạ tầng đặc thù cho trung tâm tài chính quốc tế và bài học cho Việt Nam

3.1. Singapore

Theo Chỉ số Trung tâm Tài chính Toàn cầu (*Global Financial Centres Index* , GFCI) số 34 tháng 9/2023, Singapore xếp thứ 3 toàn cầu, dẫn đầu

châu Á, vượt qua Hồng Kông nhờ hạ tầng vượt trội, môi trường chính sách ổn định và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mạnh mẽ.[13] Singapore là một trong những quốc gia điển hình thành công trong việc xây dựng IFC với nền tảng hạ tầng đặc thù được phát triển đồng bộ, tích hợp cả yếu tố công nghệ, tài chính và thể chế. Thành công của Singapore không chỉ đến từ chiến lược phát triển quốc gia có tầm nhìn dài hạn, mà còn đến từ sự linh hoạt và hiệu quả trong việc thiết kế khung pháp lý cho đầu tư công PPP, qua đó khuyến khích sự tham gia chủ động của khu vực tư nhân trong xây dựng hạ tầng tài chính - số - pháp lý hiện đại. Hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin (CNTT) của Singapore đứng đầu thế giới, với Internet tốc độ cao và an toàn.[14]

Trước tiên, cần nhấn mạnh rằng Singapore không ban hành một đạo luật cứng riêng biệt về PPP như Luật PPP ở Việt Nam, mà thay vào đó xây dựng một hệ thống hướng dẫn, quy trình và chính sách mềm , có tính minh bạch, nhất quán, dựa trên nguyên "tắc giá trị tương xứng với chi phí" (*value for money*) và phân bổ rủi ro hợp lý.[15] Singapore sử dụng một bộ hướng dẫn chính thức (*PPP Handbook*) và khung chính sách mềm theo mô hình Khung lựa chọn phương thức cung ứng tối ưu (*Best Sourcing Framework*).[16] Chính phủ Singapore yêu cầu dự án trên 50 triệu SGD phải được cân nhắc bằng PPP, với tiền đề rằng chỉ áp dụng khi có "*value for money*" - tối ưu hóa chi phí toàn vòng đời, đồng thời phân chia rủi ro phù hợp giữa cả hai bên đối tác.[17] Cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm điều phối chính sách PPP là Bộ Tài chính Singapore thông qua các hướng dẫn trong PPP Handbook, với mục tiêu tận dụng hiệu quả nguồn lực tư nhân trong các lĩnh vực mà khu vực công chưa đủ nguồn lực hoặc chuyên môn.[18] Trong lĩnh vực tài chính và công nghệ tài chính - hai thành tố chính của IFC - Singapore cho phép tư nhân đóng vai trò chủ đạo trong việc thiết kế và vận hành hạ tầng, trong khi Nhà nước tập trung vào tạo điều kiện thể chế, đồng tài trợ (*co-investment*) và quy hoạch chiến lược.

Một ví dụ điển hình là dự án *Marina Bay Financial Centre* (MBFC) - khu phức hợp tài chính mang tính biểu tượng của IFC Singapore. MBFC là biểu tượng của hạ tầng hiện đại, với các trung tâm dữ liệu tài chính an toàn và hệ thống thanh toán bù trừ đạt chuẩn quốc tế.[19] Đây là mô hình phối hợp chặt chẽ

13 Mike Wardle và Michael Mainelli, The Global Financial Centres Index 34", *Z/Yen Group & China Development Institute*, 2023, https://www.longfinance.net/media/documents/GFCI_34_Report_2022.09.28_v1.0.pdf, truy cập ngày 25/07/2025.

14 Nguyễn Văn Phúc, "Nền tảng vượt trội giúp Singapore xây dựng thành công trung tâm tài chính quốc tế", *Tạp chí Điện tử Pháp lý*, 2024, https://phaply.net.vn/nen-tang-vuot-troi-de-singapore-xay-dung-thanh-cong-trung-tam-tai-chinh-quoc-te-a260462.html, truy cập ngày 25/07/2025.

15 Asanga Gunawansa, "Is there a need for public private partnership projects in Singapore?", https://www.irbnet.de/daten/iconda/CIB20081.pdf, truy cập ngày 30/7/2025.

16 Ministry of Finance (Singapore), "Public consultation on draft Public Private Partnership (PPP) handbook", *Ministry of Finance*, 2004, https://www.mof.gov.sg/news-resources/newsroom/public-consultation-on-draft-public-private-partnership-ppp-handbook/, truy cập ngày 30/07/2025.

17 Soojin Kim và Kai Xiang Kwa, "A closer look at risk factors for publicprivate partnerships in Singapore: Six case studies", *Asian Journal of Political Science*, Vol. 28(2), 2020, tr. 142-163, 2020. DOI: https://doi.org/10.1080/02185377.2020.1780142

18 Ministry of Finance (Singapore), "*PPP handbook: Best sourcing framework and guidelines*", *Ministry of Finance, Singapore*, 2012.

19 Nguyễn Văn Phúc, *tlđd*, 2024.

giữa Nhà nước (thông qua quy hoạch chiến lược và tạo khung pháp lý thuận lợi) và tư nhân (trực tiếp đầu tư, khai thác và vận hành), không theo mô hình PPP truyền thống có ràng buộc tài khóa như ở Việt Nam, mà là hình thức mô hình PPP đồng phát triển (*co-development PPP*). Nhà nước thông qua Cơ quan tái thiết đô thị Singapore (*Urban Redevelopment Authority*, URA) và Ủy ban Phát triển kinh tế (*Singapore Economic Development Board,* EDB) thực hiện quy hoạch chiến lược, bảo đảm kết nối hạ tầng giao thông - kỹ thuật - tài chính, đồng thời đưa ra các ưu đãi thể chế, chính sách thuế và tài chính để hút vốn tư nhân vào phát triển khu tài chính hiện đại. Tư nhân được trao quyền cao trong việc quyết định cấu trúc tòa nhà, thiết kế không gian số và triển khai các giải pháp công nghệ tài chính tích hợp.

Trong lĩnh vực dữ liệu và công nghệ tài chính (*Fintech*), Singapore cũng sử dụng mô hình đầu tư công định hướng và PPP thể chế một cách linh hoạt. Cơ quan Quản lý tiền tệ Singapore (*Monetary Authority of Singapore*, MAS) đóng vai trò là "siêu điều phối viên" trong việc định hình hệ sinh thái Fintech và IFC.[20] MAS đầu tư công vào các dự án nền tảng - như trung tâm dữ liệu tài chính quốc gia, hạ tầng "ngân hàng mở" (*open banking*), hệ thống thanh toán tức thời (FAST), và các trung tâm nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*Artificial Intelligence*, AI) vào tài chính - nhưng không độc quyền vận hành mà kết nối với tư nhân thông qua cơ chế đồng kiến tạo công tư hoặc khung thử nghiệm chính sách (*public co-creation* hoặc *regulatory sandbox*).[21] Một điển hình là chương trình *Sandbox Express*, nơi các công ty Fintech được thử nghiệm mô hình kinh doanh mới trong một khung pháp lý linh hoạt, với hỗ trợ tài chính từ Chính phủ nếu dự án phục vụ lợi ích hạ tầng IFC quốc gia.

Ngoài ra, Singapore còn đi đầu trong việc đầu tư công vào "hạ tầng thể chế mềm" cho IFC. Họ thành lập các trung tâm nghiên cứu - đào tạo về tài chính quốc tế (như Viện Tài chính số Châu Á - *Asian Institute of Digital Finance*), các tổ chức định chuẩn (Hiệp hội Công nghệ Tài chính - *Singapore Fintech Association*), và tạo cơ chế phối hợp ba bên giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu. Điều đặc biệt là các khoản đầu tư công này đều gắn với mục tiêu "quốc tế hóa thể chế tài chính Singapore", tức là mở rộng khả năng hội nhập và sự tương thích của khung pháp lý nội địa với thông lệ quốc tế.[22] Đây là một yếu tố thiết yếu để IFC được công nhận toàn cầu.

Từ kinh nghiệm của Singapore, có thể rút ra nhiều bài học quan trọng cho Việt Nam trong việc phát triển khung pháp lý về đầu tư công và PPP nhằm phục vụ xây dựng IFC tại TP. Hồ Chí Minh:

Thứ nhất, Việt Nam cần thay đổi tư duy pháp lý theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng PPP sang các lĩnh vực phi truyền thống như hạ tầng tài

20 Monetary Authority of Singapore (MAS), "Digital infrastructure to enable more effective financial planning by Singaporeans", *Monetary Authority of Singapore*, 2020, https://www.mas.gov.sg/news/media-releases/2020/digital-infrastructure-to-enable-more-effective-financial-planning-by-singaporeans, truy cập ngày 25/07/2025.

21 Monetary Authority of Singapore (MAS), "Financial Sector Technology & Innovation Scheme: AI & Data Analytics Grant", *Monetary Authority of Singapore,* 2017/2018.

22 International Monetary Fund (IMF), *Singapore: Financial system stability assessment*, IMF Country Report No. 19/225, Washington, D.C. DOI: https://doi.org/10.5089/9781498325806.002

chính - dữ liệu - thể chế. Trong khi Luật PPP hiện hành chủ yếu áp dụng cho hạ tầng giao thông, điện, y tế, thì Singapore không giới hạn danh mục lĩnh vực đầu tư mà ưu tiên hiệu quả - lợi ích - tính đổi mới của dự án. Việt Nam có thể xem xét sửa đổi Luật PPP theo hướng cho phép địa phương thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với dự án PPP (*PPP sandbox*) trong IFC, đặc biệt đối với các dự án số hóa tài chính, trung tâm dữ liệu, tài chính (*open finance*)…

Thứ hai, cần bổ sung cơ chế đồng tài trợ công - tư linh hoạt (*co-investment*) và chia sẻ rủi ro linh hoạt. Nhà nước không nhất thiết phải giữ vai trò chủ đầu tư trong mọi dự án hạ tầng IFC, mà có thể tham gia ở vai trò điều phối, định hướng quy hoạch, thiết lập tiêu chuẩn và hỗ trợ thể chế. Hình thức hợp tác "đồng kiến tạo" (*co-creation*) như MAS triển khai có thể là một mô hình phù hợp, đặc biệt khi xây dựng các nền tảng công nghệ tài chính có mức độ đổi mới cao.

Thứ ba, Việt Nam cần thiết lập một cơ quan chuyên trách ở tầm quốc gia để điều phối thể chế IFC - tương tự như vai trò của MAS tại Singapore. Cơ quan này cần có đủ quyền lập pháp - điều hành - đầu tư công trong khuôn khổ pháp luật cho IFC, đóng vai trò trung tâm trong việc thiết kế chính sách PPP, *sandbox*, chiến lược dữ liệu tài chính, định danh số và bảo mật.

Thứ tư, Việt Nam nên thúc đẩy đầu tư công chiến lược vào "hạ tầng thể chế mềm" - bao gồm trung tâm đào tạo tài chính quốc tế, chương trình chuyển giao công nghệ Fintech, khung pháp lý tài sản số và thể chế hỗ trợ ESG finance. Đây là những lĩnh vực Nhà nước phải đi trước để kích hoạt đầu tư tư nhân, đồng thời nâng cao tính chính danh và năng lực cạnh tranh toàn cầu của IFC TP. Hồ Chí Minh.

3.2. Dubai

Dubai là một trong những minh chứng điển hình cho chiến lược phát triển IFC dựa trên mô hình đặc khu pháp lý - tài chính với cơ chế quản lý tách biệt, hạ tầng đặc thù hiện đại và chính sách huy động vốn đầu tư linh hoạt. Từ một trung tâm thương mại khu vực, Dubai đã vươn lên trở thành một IFC tầm cỡ toàn cầu thông qua việc xây dựng DIFC. Thành công của DIFC được xây dựng trên nền tảng pháp lý mở, định hướng thị trường và hệ thống đầu tư công - tư linh hoạt, đặc biệt trong việc huy động đầu tư cho hạ tầng tài chính và công nghệ cao.

Về mặt pháp lý, DIFC được thành lập từ năm 2004 thông qua Nghị định số 35/2004 của Chính phủ Dubai, hoạt động như một "đặc khu pháp lý - tài chính" với hệ thống pháp luật riêng biệt dựa trên thông luật của Anh, hoàn toàn tách rời khỏi pháp luật Liên bang Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (*United Arab Emirates*, UAE). Cơ chế này cho phép DIFC có khung pháp lý chuyên biệt để vận hành thị trường vốn, tài chính và công nghệ tài chính quốc tế, với các thể chế như Cơ quan quản lý dịch vụ tài chính Dubai (*Dubai Financial Services Authority*, DFSA) và Tòa án Trung tâm Tài chính Quốc tế Dubai (*Dubai International Financial Centre Courts*, Tòa án DIFC) hoạt động độc lập và minh bạch.[23] Đây là mô hình

23 Dubai International Financial Centre (DIFC), "Laws & regulations", *Dubai International Financial Centre*, https://www.difc.com/business/laws-and-regulations, truy cập ngày 02/08/2025.

"hạ tầng thể chế" đặc biệt, được đầu tư công ban đầu nhưng vận hành theo mô hình tư nhân hóa cao, đảm bảo tính linh hoạt, phi quan liêu và khả năng tiếp cận các chuẩn mực toàn cầu.

Trong phát triển hạ tầng đặc thù, chính quyền Dubai đã áp dụng mô hình PPP linh hoạt và sáng tạo, không chỉ trong hạ tầng vật lý mà còn trong hạ tầng dữ liệu, pháp lý và tài chính. DIFC được quy hoạch như một khu tài chính tích hợp, gồm hệ thống cao ốc văn phòng, trung tâm dữ liệu, các sàn giao dịch, cơ sở lưu trữ tài liệu pháp lý số hóa, trung tâm đào tạo tài chính - pháp lý quốc tế. Những dự án này phần lớn được thực hiện theo mô hình Thiết kế - xây dựng - vận hành - chuyển giao (*Design - Build - Operate - Transfer*, DBOT) hoặc theo hình thức liên doanh (*Joint Venture PPP*), trong đó khu vực tư nhân (gồm các ngân hàng đầu tư, quỹ hạ tầng, và tập đoàn công nghệ) đóng vai trò triển khai chính, còn chính quyền DIFC và Dubai giữ vai trò định hướng, điều phối và tạo điều kiện pháp lý - hành chính.[24]

Một điển hình là *DIFC Innovation Hub* - trung tâm đổi mới sáng tạo tài chính lớn nhất Trung Đông, được triển khai theo hình thức PPP mở, kết nối chính quyền với hơn 700 công ty Fintech, Regtech, Insurtech, và quỹ đầu tư mạo hiểm. Chính phủ Dubai thông qua Cơ quan quản lý DIFC (*DIFC Authority*) cung cấp đất, hạ tầng nền tảng và ưu đãi thuế; phần còn lại do tư nhân đầu tư và vận hành. Đồng thời, Nhà nước đầu tư công vào khung pháp lý "*regulatory sandbox*" để các doanh nghiệp thử nghiệm các mô hình mới mà không bị ràng buộc bởi luật chung. Đây là mô hình kết hợp giữa PPP thể chế và PPP công nghệ cao - một xu hướng hiện đại mà Việt Nam chưa thực sự triển khai.

Về mặt đầu tư công, Dubai có một đặc điểm khác biệt là áp dụng cơ chế đầu tư công định hướng, không đầu tư trực tiếp vào từng công trình hạ tầng, mà sử dụng quỹ đầu tư nhà nước - đặc biệt là Tổng công ty Đầu tư Dubai (*Investment Corporation of Dubai*, ICD) - để nắm giữ vốn trong các tập đoàn, dự án tài chính - công nghệ trọng điểm.[25] Cơ chế này cho phép Nhà nước đầu tư có chọn lọc, tránh dàn trải, đồng thời kết nối chặt chẽ với thị trường tài chính quốc tế thông qua việc phát hành trái phiếu, huy động vốn từ các quỹ đầu tư nước ngoài.

Từ kinh nghiệm của Dubai, có thể rút ra một số bài học thể chế và pháp lý quan trọng cho Việt Nam:

Thứ nhất, Việt Nam cần thiết lập khung pháp lý cho "khu tài chính đặc thù" hoặc "vùng pháp lý thử nghiệm tài chính" với cơ chế quản lý tách biệt, tương tự mô hình DIFC. Việc hình thành một IFC tại TP. Hồ Chí Minh sẽ rất khó khả thi nếu tiếp tục bị điều chỉnh bởi các luật tài chính - đầu tư chung, thiếu tính quốc tế hóa và không có khả năng xử lý các tranh chấp tài chính phức tạp.

Thứ hai, Việt Nam cần phát triển mô hình PPP linh hoạt theo hướng tập trung vào hợp tác đổi mới sáng tạo và thể chế tài chính, không chỉ xây dựng hạ tầng vật chất. Cần mở rộng phạm vi áp dụng Luật PPP năm 2020 (được

24 Dubai Business Capital, "Public-private partnerships in Dubai: Driving growth and innovation", *Dubai Business Capital*, 2025, https://dubai-businesscapital.com/post_articles/public-private-partnerships-in-dubai-driving-growth-and-innovation/, truy cập ngày 02/08/2025..

25 Investment Corporation of Dubai (ICD), "About ICD / Operating model", *Investment Corporation of Dubai*, https://www.icd.gov.ae/about-icd/, truy cập ngày 02/08/2025.

sửa đổi, bổ sung) và Luật Đầu tư công năm 2024 để cho phép đầu tư theo mô hình "*PPP sandbox*", hợp tác công - tư trong lĩnh vực số hóa tài chính, *Regtech, blockchain*, trung tâm pháp lý tài chính.

Thứ ba, Việt Nam nên cân nhắc thành lập quỹ đầu tư công đặc biệt tương tự ICD để hỗ trợ phát triển hạ tầng đặc thù của IFC, thay vì phân bổ ngân sách theo mô hình truyền thống. Quỹ này có thể đồng đầu tư với tư nhân vào các dự án trọng điểm như trung tâm dữ liệu tài chính, sàn giao dịch số, khu Fintech, hạ tầng e-KYC và *e-payment*.

Thứ tư, cần đầu tư vào "hạ tầng pháp lý mềm" - bao gồm tòa án tài chính chuyên biệt, thể chế trọng tài quốc tế, và đào tạo chuyên gia luật tài chính toàn cầu. Đây là điều kiện cốt lõi để thu hút các định chế tài chính lớn đặt trụ sở tại IFC Việt Nam, như Dubai đã làm rất thành công.

4. Kiến nghị pháp lý nhằm phát triển hạ tầng đặc thù cho trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

Thứ nhất, đồng bộ hóa quy định về trình tự, thủ tục đầu tư công

Việt Nam cần rà soát và hướng dẫn chi tiết việc miễn trừ bước quyết định chủ trương đầu tư và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo khoản 7 và 8 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 . Trong khi Luật Đầu tư công năm 2024 quy định đây là các bước then chốt nhằm xác định tính cấp thiết, nguồn lực tài chính và thẩm quyền quyết định đầu tư, thì việc bỏ qua các bước này có thể tạo ra khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến hiệu lực kiểm soát vốn và dẫn đến xung đột thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương.

Tác giả kiến nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong trường hợp miễn trừ, đồng thời ban hành cơ chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan Trung ương và địa phương nhằm thống nhất tiêu chí đánh giá và quy trình ra quyết định thay thế. Kinh nghiệm phát triển Marina Bay của Singapore cho thấy vai trò quan trọng của cơ quan quy hoạch chuyên trách trong việc bảo đảm tính thống nhất giữa quy hoạch, phát triển hạ tầng và huy động nguồn lực tư nhân. Cơ quan Tái phát triển Đô thị Singapore (*Urban Redevelopment Authority* - URA) giữ vai trò cơ quan quy hoạch sử dụng đất quốc gia, đồng thời trực tiếp tham gia quy hoạch và quản lý phát triển Marina Bay, qua đó giúp Nhà nước duy trì định hướng phát triển tổng thể trong khi huy động khu vực tư nhân tham gia phát triển các khu đất và dự án cụ thể.[26]

Thứ hai, thiết lập tiêu chí minh bạch trong cơ chế chỉ định nhà đầu tư và nhà thầu

Như đã phân tích, quy định tại khoản 6, điểm c khoản 8 và khoản 9 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội cho phép chỉ định nhà đầu tư và nhà thầu mà không qua đấu thầu là điểm dễ phát sinh nghi vấn về minh bạch, lợi ích nhóm, đặc biệt với các dự án lớn sử dụng nguồn lực công. Việc thiếu các tiêu chí định lượng, định tính cụ thể cho việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ khiến cơ chế đặc thù trở thành ngoại lệ pháp lý không kiểm soát được.

Tác giả kiến nghị Quốc hội ban hành nghị quyết hướng dẫn áp dụng cơ chế lựa chọn đặc biệt trong IFC theo nguyên tắc công khai tiêu chí, có sự tham

26 Centre for Liveable Cities, *Urban redevelopment: One city, three models*, Ministry of National Development, Singapore, 2025

vấn độc lập từ tổ chức giám sát (ví dụ: Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Giám sát Đầu tư công). Dubai đã áp dụng thành công mô hình này thông qua *DIFC Authority* - một cơ quan bán độc lập được trao quyền thiết lập chuẩn mực lựa chọn đối tác tài chính, có cơ chế rà soát nội bộ và công bố định kỳ danh sách các nhà đầu tư đạt chuẩn.

Thứ ba, kiểm soát chặt chẽ rủi ro tài khóa và bảo vệ nguyên tắc thị trường

Quy định tại điểm d khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội cho phép vốn nhà nước chiếm tới 70% tổng mức đầu tư PPP (cao hơn mức thông thường là 50%) và miễn nghĩa vụ chia sẻ phần tăng doanh thu trong 3 năm đầu có thể làm méo mó nguyên tắc thị trường và gây ra rủi ro tài chính tiềm tàng đối với ngân sách nhà nước. Trên thực tế, việc phân bổ vốn nhà nước lớn cho dự án tư nhân nhưng không có nghĩa vụ chia sẻ rủi ro đầy đủ sẽ tạo ra bất cân đối về nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ tài khóa.

Tác giả kiến nghị Chính phủ xây dựng cơ chế "kiểm toán rủi ro tài khóa" (*fiscal risk audit*) riêng cho các dự án IFC có tỷ lệ vốn nhà nước cao, kèm theo công cụ dự báo nghĩa vụ nợ tiềm tàng và giới hạn trần cam kết ngân sách. Mô hình Singapore cũng yêu cầu mọi dự án PPP sử dụng vốn nhà nước đều phải công bố báo cáo "*Value-for-Money*" và "*Public Sector Comparator*" để bảo đảm rằng việc tham gia của Nhà nước là hợp lý về mặt chi phí - lợi ích.

Thứ tư, tăng cường cơ chế giám sát và kiểm toán độc lập

Trong khi quy định về ưu đãi đầu tư và tài khóa đã khá chi tiết, thì khung pháp lý Việt Nam lại thiếu quy định cụ thể về cơ chế giám sát, kiểm toán và công bố thông tin đặc thù đối với IFC. Việc giao quyền tự chủ lớn cho địa phương mà không có công cụ giám sát hiệu quả dễ dẫn đến nguy cơ mất cân đối tài khóa, thao túng chỉ tiêu đầu tư hoặc thiếu minh bạch trong chi tiêu.

Tác giả kiến nghị bổ sung quy định yêu cầu các dự án trong IFC phải được kiểm toán định kỳ bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được Quốc hội ủy quyền, đồng thời áp dụng quy chế công khai ngân sách đặc thù. Cần thiết lập hệ thống giám sát số hóa để theo dõi tiến độ đầu tư, dòng vốn và hiệu quả sử dụng vốn công theo thời gian thực. Dubai là ví dụ điển hình khi thiết lập hệ thống DIFC Courts với các chuẩn mực báo cáo và giải trình độc lập, đồng thời yêu cầu các đối tác phải công bố tình trạng tài chính hằng quý trong khu tài chính. ●

Tài liệu tham khảo

[1] David Grenier, "IFC: An expanded role for venture capital", *Finance & Development*, Vol. 4(2), 1967. DOI: https://doi.org/10.5089/9781616352868

[2] International Monetary Fund (IMF), *Singapore: Financial system stability assessment*, IMF Country Report No. 19/225, Washington, D.C.,. DOI: https://doi.org/10.5089/9781498325806.002

[3] Nguyễn Văn Phúc, "Nền tảng vượt trội giúp Singapore xây dựng thành công trung tâm tài chính quốc tế", *Tạp chí Điện tử Pháp lý*, 2024 [trans: Nguyen Van Phuc, "The Superior Foundation Enabling Singapore to Successfully Build an International Financial Center," *Legal E-Magazine*, 2024]

[4] Mike Wardle và Michael Mainelli, The Global Financial Centres Index 34", *Z/Yen Group & China Development Institute*, 2023